

BIỂU SỐ 16/2016

THỐNG KÊ KIỂM SÁT GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH THEO THỦ TỤC SƠ THẨM

- **Dòng 1 (Số vụ án còn lại của kỳ trước):** Thống kê số vụ án còn lại trong kỳ thống kê trước (VKS đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê trước) nhưng Tòa án chưa giải quyết xong, chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 2 (Số vụ án tạm đình chỉ được Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án đã có quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê trước, nhưng trong kỳ thống kê này Tòa án đã ra QĐ tiếp tục giải quyết vụ án (Điều 142 LTTHC) vì không còn lý do tạm đình chỉ.

Lưu ý: Số này không nằm trong số vụ, việc còn lại của kỳ trước vì đã có quyết định tạm đình chỉ.

- **Dòng 3 (Số vụ án VKS mới nhận được thông báo thụ lý):** Thống kê số vụ án VKS đã nhận được thông báo thụ lý bằng văn bản của Tòa án chuyển sang trong kỳ thống kê ($D3=D4+D5+D6+D7$).

- **Từ dòng 4 đến dòng 7:** Phân loại số vụ án VKS đã nhận được thông báo thụ lý bằng văn bản của Tòa án chuyển sang trong kỳ thống kê theo 4 loại khiếu kiện cụ thể theo Điều 30 Luật TTHC.

- **Dòng 8 (Số vụ án Tòa án gửi thông báo cho VKS không đúng thời hạn):** Thống kê số vụ án VKS mới thụ lý trong kỳ thống kê (thuộc dòng 3) mà Tòa án gửi thông báo bằng văn bản cho VKS không đúng thời hạn quy định (Điều 126 Luật TTHC).

- **Dòng 9 (Số vụ án nhận từ nơi khác chuyển đến):** Thống kê số vụ án ở nơi khác chuyển đến VKS trong kỳ thống kê (Khi nhận số chuyển đến, nơi nhận số chuyển đến chỉ được thống kê số này vào số chuyển đến, không thống kê số này vào số vụ án còn lại của kỳ trước hay số mới ở nơi chuyển đến nữa).

- **Dòng 10 (Số vụ án chuyển đi nơi khác):** Thống kê số vụ án đã có quyết định chuyển đi nơi khác trong kỳ thống kê, nơi chuyển đi vẫn thống kê số này vào số cũ hoặc số mới theo đúng như thực tế đã diễn ra, đến khi chuyển đi mới tính số này vào số chuyển đi của đơn vị mình.

- **Dòng 11 (Tổng số vụ án VKS thụ lý):** Thống kê tổng số vụ án VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê ($D11=D1+D2+D3+D9-D10$).

- **Dòng 12 (Số vụ án VKS yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ):** Thống kê số vụ án VKS đã có văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu

thập chứng cứ trong kỳ thống kê để giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm (khoản 6 Điều 84 Luật TTHC).

Dòng 13 (Số vụ án Tòa án đã giải quyết xong):

Thông kê số vụ án Tòa án đã giải quyết xong ở cấp sơ thẩm và đã chuyển các văn bản giải quyết sang VKS trong kỳ thống kê hoặc VKS đã nắm được kết quả giải quyết vụ việc đó trong kỳ thống kê (do VKS tham gia phiên tòa hoặc phiên họp sơ thẩm). Các văn bản giải quyết gồm: QĐ đình chỉ, QĐ công nhận kết quả đối thoại thành của đương sự, bản án hoặc quyết định sơ thẩm đối với phiên họp (D13=D14+D15+D16).

- **Dòng 14 (Số vụ án Tòa án ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa):** Thông kê số vụ án Tòa án đã ra QĐ đình chỉ giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê (Điều 143 Luật TTHC).

- **Dòng 15 (Số vụ án Tòa án ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành của đương sự):** Thông kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành của đương sự trong kỳ thống kê trên cơ sở biên bản đối thoại thành của đương sự (biên bản này có thể được lập trong kỳ thống kê trước) (Điều 140 LTTTHC).

- **Dòng 16 (Số vụ án Tòa án đã xét xử):** Thông kê số vụ án Tòa án đã đưa ra xét xử và đã xét xử xong trong kỳ thống kê (Điều 193, 194 Luật TTHC).

- **Dòng 17 (Số vụ án có kiểm sát viên tham gia phiên tòa):** Thông kê số vụ án Tòa án đã xét xử sơ thẩm (hoặc mở phiên họp) trong kỳ thống kê và có kiểm sát viên tham gia phiên tòa hoặc phiên họp.

- **Dòng 18 (Số vụ án Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án tại phiên tòa):** Thông kê số vụ án Hội đồng xét xử đã ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án tại phiên tòa trong kỳ thống kê (khoản 2 Điều 165 Luật TTHC).

- **Dòng 19 (Số vụ án Tòa án bác yêu cầu khởi kiện):** Thông kê số vụ án Hội đồng xét xử tuyên bác yêu cầu khởi kiện của đương sự nếu yêu cầu đó không có căn cứ pháp luật trong kỳ thống kê (Khoản 2, Điều 193 Luật TTHC).

- **Dòng 20 (Số vụ án Tòa án chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện):** Thông kê số vụ án Hội đồng xét xử đã tuyên chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đương sự trong kỳ thống kê (Khoản 2, Điều 193 Luật TTHC).

- **Dòng 21 (Số bản án, quyết định mà VKS đã kiểm sát):** Thông kê số bản án, quyết định của Tòa án đã chuyển sang VKS và VKS đã kiểm sát xong bản án, quyết định đó (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 22 (Số bản án, quyết định VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số bản án, quyết định của Tòa án mà VKS đã kiểm sát và phát hiện có vi phạm về thời hạn, nội dung hoặc hình thức trong kỳ thống kê (Điều 142, 144, 146, 196 LTTHC).

- **Dòng 23 (Số vụ án VKS kháng nghị phúc thẩm -kháng nghị cùng cấp):** Thống kê số vụ án VKS đã có kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án cùng cấp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 24 (Số vụ án VKS kháng nghị đối với bản án):** Thống kê số vụ án VKS có kháng nghị phúc thẩm đối với bản án của Tòa án cùng cấp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 25 (Số vụ án VKS kháng nghị đối với các quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ của Tòa án):** Thống kê số vụ án VKS có kháng nghị phúc thẩm đối với các quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ của Tòa án cùng cấp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 26 (Số vụ án đề nghị VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm):** Thống kê số vụ án VKS đề nghị VKS cấp trên kháng nghị phúc thẩm trong kỳ thống kê (do có căn cứ kháng nghị nhưng đã hết thời hạn kháng nghị đối với VKS cùng cấp và chưa hết thời hạn kháng nghị đối với VKS cấp trên trực tiếp (Điều 213 Luật TTHC).

- **Dòng 27 (Số vụ án báo cáo VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm):** Thống kê số vụ án Viện kiểm sát thấy có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và đã có văn bản báo cáo VKS cấp trên kháng nghị GĐT trong kỳ thống kê.

- **Dòng 28 (Số vụ án Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định TĐC trong kỳ thống kê.

- **Dòng 29 (Số vụ án Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ từ các kỳ thống kê trước, trong kỳ thống kê này nhưng đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê các vụ đó chưa được Tòa án ra quyết định để giải quyết tiếp (D30 = D30 của kỳ thống kê trước + 29 – D2).

- **Dòng 30 (Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số vụ án VKS đã thụ lý và Tòa án chưa giải quyết phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết.

- **Dòng 31 (Số vụ án quá hạn luật định):** Thống kê những vụ án Tòa án chưa giải quyết hoặc chưa giải quyết xong nhưng đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn hoãn phiên tòa (Điều 130, 163 Luật TTHC).

- **Dòng 32 (Số quyết định giám định lại của VKSNDTC, TANDTC):** Thống kê số quyết định giám định lại của VKSNDTC, TANDTC trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận đã giám định không chính xác, có vi phạm pháp luật... (Khoản 5 Điều 89 LTTHC).

- **Dòng 33 (Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án trong kỳ thống kê gồm: kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức; kiến nghị về QĐ, áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPKCTT (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước). Tiêu chí này còn bao gồm cả kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện (kiến nghị này Tòa án phải giải quyết bằng quyết định).

Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị về thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm hoặc phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm; thì chỉ thống kê vào một trong 3 biểu (Biểu 16, 17, 18), đã thống kê vào biểu sơ thẩm rồi thì không thống kê vào biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm nữa, hoặc đã thống kê vào biểu phúc thẩm rồi thì không thống kê vào biểu giám đốc thẩm nữa.

- **Dòng 34 (Số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát giải quyết vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động trong kỳ thống kê.

Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị về thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm hoặc phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm; thì chỉ thống kê vào một trong 3 biểu (Biểu 16, 17, 18), đã thống kê vào biểu sơ thẩm rồi thì không thống kê vào biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm nữa, hoặc đã thống kê vào biểu phúc thẩm rồi thì không thống kê vào biểu giám đốc thẩm nữa.